TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2024
"Về việc tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Không có.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông **Đặng Văn Thi** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu thành phần tại phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** – Công chức Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Hồng Ch**, sinh năm 2003 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô Ét, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Hồng Ch trình bày có nội dung: Vào năm 2022, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Quốc H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 12/9/2022.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị yêu cầu ly hôn là do tính tình không hợp nên thường xuyên cự cải qua lại với nhau, anh H không quan tâm tìm việc làm phát triển kinh tế gia đình mà chỉ lo đi chơi bên ngoài, không quan tâm đến chị dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay mỗi người một nơi chị về nhà cha mẹ tại Ấp Tr, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh sinh sống từ khi ly thân cho đến nay.

Nay chị thấy không còn tình cảm với anh H yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc H vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Vào năm 2022 anh có kết hôn với chị Trần Hồng Ch có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 12/9/2022.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cự cải qua lại với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng Ch và anh Nguyễn Quốc H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch xác lập quan hệ hôn nhân với anh H vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 12/9/2022 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay Chị Ch và anh H thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về con chung: Chị Ch và anh H khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Ch và anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Ch và anh H khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hồng Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Hồng Ch được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hồng Ch phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017100, ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; Chị Ch đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Ph
(chứng nhận kết hôn năm 12/9/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân